

TÀI LIỆU

Tên chuyên đề: Kiến tạo không gian đô thị
văn minh, hiện đại, giàu bản sắc

Số tiết: 16

Phân bổ thời gian:

Thuyết trình
08 tiết

Thảo luận
08 tiết

Đi thực tế

Tổng cộng
16 tiết

PHẦN MỞ ĐẦU

1. MỤC ĐÍCH

Nâng cao kiến thức và kỹ năng về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, giàu bản sắc theo nguyên tắc hỗ trợ các đặc điểm chính của các khu dân cư và thành phố bền vững: nhỏ gọn, tích hợp, kết nối.

Nâng cao năng lực cán bộ quản lý đô thị với những kiến thức, kỹ năng và cái nhìn toàn diện về việc kiến tạo không gian đô thị, thúc đẩy văn minh và hiện đại hóa, đồng thời duy trì và thể hiện bản sắc văn hóa, lịch sử và đặc trưng của đô thị.

2. YÊU CẦU

- Hiểu rõ về các quy định, luật pháp và chính sách liên quan đến phát triển đô thị bền vững nói chung và quản lý không gian đô thị nói riêng.
- Kiến thức kiến trúc, quy hoạch và thiết kế đô thị: nguyên tắc thiết kế không gian đô thị hài hòa, chức năng và thẩm mỹ, bao gồm cả việc tối ưu hóa sử dụng đất.
- Kiến thức về lịch sử và văn hóa: Nắm vững thông tin về lịch sử, văn hóa và đặc điểm địa phương để có thể tích hợp vào quá trình phát triển đô thị một cách tinh tế.

3. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

3.1. Đối tượng

Khóa đào tạo, bồi dưỡng này được phát triển cho các nhóm đối tượng như sau:

- Nhóm 1: Cán bộ lãnh đạo UBND cấp tỉnh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh (bao gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cán bộ thuộc diện quy hoạch nguồn kế cận chức danh này.
- Nhóm 2: Cán bộ lãnh đạo UBND cấp huyện: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện (bao gồm quận, huyện thuộc thành phố trực thuộc trung ương; thành phố, thị xã, huyện trực thuộc tỉnh) và cán bộ thuộc diện quy hoạch nguồn kế cận chức danh này.
- Nhóm 3: Công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn liên quan tới lĩnh vực QLPTĐT ở cấp tỉnh.
- Nhóm 4: Công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn liên quan tới lĩnh vực QLPTĐT ở cấp huyện.

3.2. Thời gian

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: 02 ngày (16 tiết)

PHẦN NỘI DUNG

I. CHỦ THỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ

CASE STUDY 1: THẢO LUẬN TẦM QUAN TRỌNG CỦA BẢN SẮC ĐÔ THỊ

Tại Việt Nam, đô thị hoá và phát triển đô thị là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Với nhận thức đó, Đảng ta đã quán triệt việc quy hoạch, xây dựng, quản lý, phát triển đô thị sẽ theo hướng đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo của cả hệ thống chính trị.

Một thành phố có bản sắc là nơi lưu giữ ký ức, giúp kết nối người dân với nơi chốn. Bản sắc đô thị là tính độc đáo không bao giờ bị trùng lặp hoặc có được trải nghiệm tương tự, vì chúng là sản phẩm đặc biệt trải qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Bản sắc giúp cho việc phân biệt một thành phố khác với những thành phố khác bằng cách tạo ra một hình ảnh khác biệt. Bản sắc chính là “DNA” của thành phố đó – Là một bộ sưu tập về tài sản, lịch sử, các đặc điểm địa lý, trình độ văn hóa, đặc điểm kiến trúc, truyền thống và phong tục tập quán, lối sống. Tuy nhiên, bản sắc thay đổi theo thời gian và bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Sự thay đổi liên tục này cũng là một quá trình tất yếu của lịch sử nhưng lại thách thức việc bảo tồn tính nguyên bản. Ngoài ra, thành phố có bản sắc hấp dẫn sẽ tạo sự tự tin và tăng khả năng phục hồi sau suy thoái kinh tế do các yếu tố khách quan như đại dịch, thiên tai, chiến tranh...

Ví dụ: Cố đô Huế

Từng là Kinh đô uy nghiêm một thời, Huế không chỉ sở hữu các cung điện, đền đài, lăng tẩm mà còn có rất nhiều công trình kiến trúc nổi bật khác như Trường Quốc học, Ga Huế,... Tất cả đã tạo nên kiến trúc vừa cổ xưa lại vừa hiện đại của xứ thần kinh.

Kiến trúc cung đình Vương giả



Kiến trúc nhà vườn

Nhà ở có sân vườn là một nét riêng tạo nên tính thơ đặc trưng của Cố đô, nhà vườn xuất hiện ở khắp nơi trong thành phố nhưng tập trung nhiều nhất là ở Nguyệt Biều, Võ Dạ, Kim Long,...

Kiến trúc Tây Âu cổ điển

Đối lập với kiến trúc uy nghiêm, trầm mặc của Cung đình Huế, bờ Nam sông Hương là một “thành phố mới” được xây dựng bởi người Pháp từ cuối thế kỷ XIX. Đây là một bộ sưu tập kiến trúc thuộc địa Pháp mang đậm dấu ấn cổ điển của kiến trúc Tây Âu mà chế độ thực dân đã để lại cho thành phố thơ này.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

Kiến trúc là nghệ thuật và khoa học, kỹ thuật về tổ chức không gian, tạo lập môi trường sống bền vững đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội [Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14]

Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc gồm đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục của các dân tộc; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam. [Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14]

Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc gồm đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục của các dân tộc; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam. [Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14]

Bản sắc đô thị là các yếu tố tự nhiên và nhân tạo của một thành phố, các đặc điểm xã hội, văn hóa và lịch sử của nó. Trong số những đặc điểm này, rõ ràng và ấn tượng nhất là bản sắc của thành phố đó. Mọi đặc điểm phân biệt thành phố này với thành phố khác và xuất hiện khác nhau đều được tính là thành phần nhận dạng của thành phố đó. [Elif SAGLIK]

Bản sắc của thành phố thuộc về chính thành phố, làm cho thành phố khác biệt với những thành phố khác và tăng thêm giá trị cho thành phố đó và là tổng thể của các thành phần cụ thể của thành phố. Những thành phần này cũng là những đặc điểm quan trọng trong việc hình thành bản sắc của thành phố đó.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm như sau: Bản sắc đô thị (urban identity) là tập hợp các đặc trưng, giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, môi trường và xã hội tạo nên danh tính độc đáo của một thành phố hoặc khu vực đô thị. Nó là cái nhìn toàn diện về các yếu tố và đặc điểm đặc trưng của một thành phố, làm cho nó khác biệt và độc đáo so với các thành phố khác. Bản sắc đô thị thể hiện qua các yếu tố như:

Để bảo tồn bản sắc và sự phát triển trong các thành phố. Cần phải tạo ra một quy hoạch đô thị tổng thể bao gồm các khía cạnh sinh thái, xã hội, văn hóa và thẩm mỹ với các nhu cầu kinh tế.



Đô thị giàu bản sắc là một khái niệm mô tả về một thành phố hoặc khu đô thị có sự phong phú và đa dạng trong văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, nghệ thuật và thực phẩm. Đô thị giàu bản sắc thường mang trong mình những đặc trưng văn hóa độc đáo và phản ánh sự đa dạng của cộng đồng cư dân. Một số đặc điểm của đô thị giàu bản sắc bao gồm:



Đô thị giàu bản sắc đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương, thúc đẩy du lịch và phát triển kinh tế đô thị.

Không gian đô thị là không gian bao gồm các vật thể kiến trúc đô thị, cây xanh, mặt nước trong đô thị có ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan đô thị. [Điều 3, Luật Quy hoạch đô thị 2009]

Cảnh quan đô thị là không gian cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong đô thị như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ,

mặt sông, kênh, rạch trong đô thị và không gian sử dụng chung thuộc đô thị. [Luật Quy hoạch đô thị 2009, sửa đổi bổ sung năm 2020]

Kiến trúc cảnh quan là môn khoa học tổng thể, liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên ngành khác nhau (quy hoạch không gian, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc công trình, điêu khắc, hội họa...) nhằm giải quyết những vấn đề tổ chức môi trường nghỉ ngơi – giải trí, thiết lập và cải thiện môi sinh, bảo vệ môi trường, tổ chức nghệ thuật kiến trúc.

Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị là QLNN có hệ thống nhằm đảm bảo tính thống nhất trong quản lý từ tổng thể đô thị đến các không gian cụ thể; có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị; phù hợp điều kiện, đặc điểm tự nhiên, tôn trọng tập quán, văn hóa địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Di sản văn hóa là “di sản của các đồ tạo tác vật thể và phi vật thể do cống hiến của một nhóm hoặc xã hội được kế thừa từ các thế hệ trước, được duy trì ở hiện tại và được ban tặng vì lợi ích của các thế hệ tương lai”. [UNESCO]

- Kiến tạo không gian đô thị là quá trình thiết kế và quản lý không gian trong các khu vực đô thị nhằm tạo ra môi trường sống và làm việc tốt đẹp, an toàn, bền vững và thân thiện cho cư dân và du khách. Nó không chỉ tập trung vào việc xây dựng các cơ sở hạ tầng vật lý mà còn bao gồm việc tạo ra các kết nối xã hội, kinh tế và văn hóa trong không gian đô thị.
- Đô thị văn minh hiện đại là một thành phố phát triển toàn diện về mọi khía cạnh, mang lại lợi ích và chất lượng cuộc sống tốt cho cư dân, và đồng thời duy trì cân bằng với môi trường và văn hóa địa phương.
- Kiến tạo không gian đô thị, văn minh hiện đại, giàu bản sắc là một quá trình nhằm tạo ra một thành phố hoặc khu đô thị phát triển và cải thiện trong nhiều khía cạnh; nó không chỉ là việc tổ chức không gian đẹp, tiện nghi mà còn về việc quản lý phát triển bền vững bề các giá trị văn hoá và môi trường.

1.3. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC VIỆT NAM

Quan điểm

1. Phát triển nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam; đồng thời quảng bá kiến trúc Việt Nam ra thế giới.
2. Kiến trúc góp phần tạo lập môi trường sống bền vững; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng; phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
3. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động kiến trúc nhằm huy động các nguồn lực đầu tư để phát

triển kiến trúc; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm phát triển kiến trúc Việt Nam hội nhập tích cực với kiến trúc trong khu vực và thế giới.

Định hướng phát triển

1. Kiến trúc khu vực đô thị, nông thôn
2. Bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc
3. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục phổ cập về lĩnh vực kiến trúc
4. Hội nhập, hợp tác quốc tế

1.4. CÁC YÊU CẦU CỦA KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông.

1.5. TIÊU CHÍ ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Mục đích

Xây dựng cảnh quan đô thị, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở khu vực đô thị.

Tiêu chí

- Tiêu chí 1: Quy hoạch đô thị;
- Tiêu chí 2: Giao thông đô thị;
- Tiêu chí 3: Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị;
- Tiêu chí 4: An ninh, trật tự đô thị;
- Tiêu chí 5: Thông tin, truyền thông đô thị;
- Tiêu chí 6: Việc làm, thu nhập bình quân, hộ nghèo ở đô thị;
- Tiêu chí 7: Văn hóa, thể thao đô thị;
- Tiêu chí 8: Y tế, giáo dục đô thị;
- Tiêu chí 9: Hệ thống chính trị và trách nhiệm của chính quyền đô thị.

1.6. QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN ĐÔ THỊ

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

Hệ thống văn bản pháp luật về quy hoạch đô thị được áp dụng theo 3 cấp độ cơ bản là Luật do Quốc hội ban hành, Nghị định của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư hướng dẫn chi tiết do Bộ chủ quản soạn ban hành.

Nguyên tắc quản lý

- Chính phủ thống nhất quản lý và phân cấp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn (sau đây gọi là chính quyền đô thị) quản lý toàn diện không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Cơ quan có chức năng quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị ở địa phương có trách nhiệm giúp chính quyền đô thị quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.
- Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Đối với những khu vực đô thị, tuyến phố chưa có quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thì thực hiện việc quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể thuộc đô thị; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, đồng thời tôn trọng tập quán, văn hóa địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị.
- Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải căn cứ vào quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền duyệt và phải được chính quyền đô thị quy định cụ thể bằng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

Lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo quy hoạch

Đến nay trên toàn quốc khoảng 25% đô thị loại II,III,IV,V đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc theo quy định.

Văn bản pháp luật

Công tác Lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo quy hoạch đô thị được lập trên cơ sở các quy định pháp luật sau:

- Luật Kiến trúc – Luật số 40/2019/QH14
- Nghị định 85/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị

Theo quy định hiện hành, Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị là cơ sở để cơ quan quản

lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng làm căn cứ quản lý đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan trong đô thị và làm căn cứ xác lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị gồm những quy định quản lý không gian cho tổng thể đô thị và những quy định về cảnh quan, kiến trúc đô thị cho các khu vực đô thị, đường phố và tuyến phố trong đô thị do chính quyền đô thị xác định theo yêu cầu quản lý.

Nội dung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

- Nội dung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc tổng thể đô thị:
- Nội dung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc khu vực cụ thể:
- Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được lập dựa trên yêu cầu thực tế của đô thị như điều kiện kinh tế – xã hội, văn hóa và đặc tính của đô thị.
- Các biện pháp khuyến khích tham gia, đóng góp cho việc quản lý làm tăng hiệu quả sử dụng không gian, công trình, cảnh quan đô thị; các giải pháp cấm, hạn chế, khuyến khích đối với từng hành vi, biện pháp kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang cảnh quan và công trình hiện có.
- Nội dung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị phải được điều chỉnh phù hợp với nội dung quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, điều chỉnh quy hoạch đô thị cục bộ.

Sau đó, thảo luận về các vấn đề đô thị văn minh, hiện đại giàu bản sắc của địa phương nơi tổ chức đào tạo

Khảo sát: Đánh giá của Bạn về công tác quản lý các không gian công cộng ở địa phương hiện nay?

1. Tốt
2. Trung bình
3. Kém

II. CÁC THÀNH PHẦN BẢN SẮC ĐÔ THỊ

2.1. MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN

Các yếu tố bản sắc bắt nguồn từ môi trường tự nhiên hình thành nên các điều kiện về địa hình, khí hậu, thủy thổ, địa chất và vị trí chung. Giá trị về cảnh quan tự nhiên và các đặc trưng của từng vùng là một trong những phương thức quan trọng phản ánh giá trị nơi chốn của các khu vực. Giá trị tự nhiên luôn được xem là yếu tố cơ bản hình thành các giá trị văn hoá, tính cách con người

Mỗi một địa phương, một khu vực hay một quốc gia đều có điều kiện tự nhiên khác nhau, mang tính đặc trưng. Điều này dẫn đến việc phân hóa cấu trúc đô thị, hình thức kiến trúc, thói quen sử dụng vật liệu và giải pháp kỹ thuật xây dựng của người dân tại khu vực đó, đúc kết qua thời gian để ứng phó và thích nghi với điều kiện tự nhiên.

2.2. MÔI TRƯỜNG NHÂN TẠO

Các yếu tố nhận dạng có nguồn gốc từ cảnh quan do con người tạo ra, bao gồm các yếu tố môi trường nhân tạo, các khu vực hoạt động phát sinh từ nhu cầu đang diễn ra của con người trong thành phố và các đồ vật làm bằng tay con người..

2.3. MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Văn hoá, lịch sử: Đô thị là nơi có nền giáo dục, khoa học, kỹ thuật phát triển ở trình độ cao; hội tụ đa dạng về văn hóa, tinh hoa văn hóa, giao lưu và tiếp biến văn hóa, tạo nên văn hóa riêng, đó là văn hóa đô thị; văn hóa chính trị được biểu hiện ở tinh thần dân chủ, tích cực chính trị của người dân.

2.4. CASE STUDY 1: THẢO LUẬN VỀ PHỤC HỒI CÁC KHU VỰC LỊCH SỬ CỦA ĐÔ THỊ MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Công viên Cảnh quan Bắc Duisburg (Đức)

Công viên cảnh quan phía Bắc Duisburg là một ví dụ thực tiễn tốt nhất về dự án chuyển đổi lại một cảnh quan hậu công nghiệp. Các cơ sở công nghiệp này bao gồm các khía cạnh khác nhau của công nghiệp sản xuất. Các loại chính của chúng bao gồm các cơ sở sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và năng lượng, hạ tầng cấp nước, xử lý nước thải, cơ sở quản lý và dịch vụ công cộng.

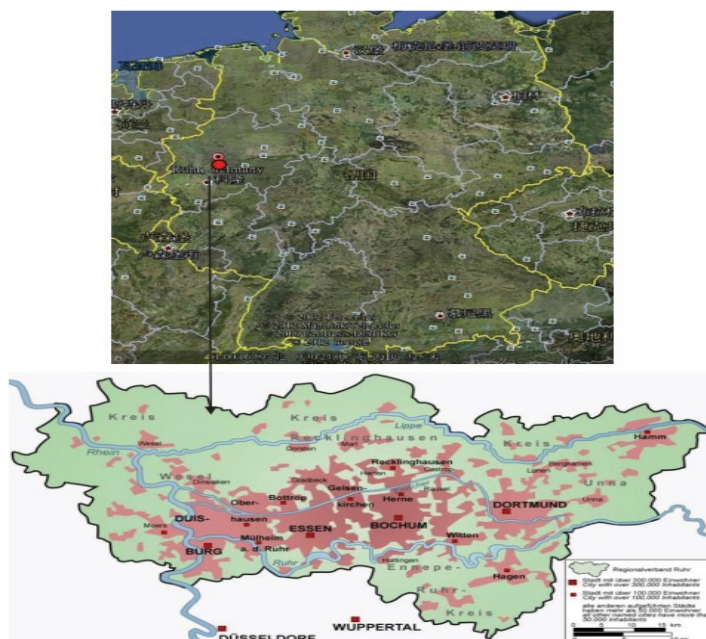
Mang đặc trưng của một loại hình kiến trúc công nghiệp, du khách có thể bắt gặp những công trình xây dựng như nhà xưởng, nhà kho, trạm biến áp, phòng nồi hơi, ống khói, cột buồm, tháp nước, bể chứa nước và kênh rạch; lò cao, đường sắt xi lanh khí, đầu máy xe lửa, đường ống, băng tải và đặc biệt phương tiện có thể được tái sử dụng làm cột mốc và biểu tượng cho việc chuyển đổi khu vực.

Công viên cảnh quan sau công nghiệp dựa vào đất hoang của khu công nghiệp, quy hoạch

và thiết kế tất cả các loại yếu tố môi trường tự nhiên và nhân tạo, tổ chức chúng thành đô thị không gian công cộng cung cấp trải nghiệm văn hóa công nghiệp và chức năng, giải trí, thể thao, khoa học và giáo dục, v.v. Công viên cảnh quan hậu công nghiệp đầu tiên được tạo ra ở các nước phát triển của Mỹ và Châu Âu trong khoảng thời gian từ những năm 1960 đến những năm 1970. Trong số đó, Công viên cảnh quan Bắc Duisburg ở quận Ruhr, Đức được coi là trở thành một kiệt tác của công viên cảnh quan hậu công nghiệp.

Thông tin cơ bản của dự án

Quận Ruhr từng là trung tâm công nghiệp của Đức và thậm chí của cả nước Châu Âu. Cuộc khủng hoảng cơ cấu trong những năm 1950 đã dẫn đến sự suy giảm của ngành công nghiệp hàng đầu khu vực – thép và than đá, và dẫn đến một loạt các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó Vùng Emscher đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi. Vùng Emscher đề cập đến khu vực công nghiệp khu vực đô thị dọc theo sông Emscher, giữa Dortmund và Duisburg. Để thúc đẩy các phát triển bền vững môi trường sinh thái và cơ cấu kinh tế - xã hội của vùng, và chuyển hóa các lợi thế về lịch sử, văn hóa, giáo dục, tài nguyên đất đai, vị trí và giao thông vận tải vào tiềm năng phát triển, chính phủ thành lập kế hoạch mười năm đầu tiên (1991-2000) của chương trình Triển lãm Tòa nhà Quốc tế Emscher Park (IBA)..



Quận Ruhr (Vòng đỏ) [Nguồn: <http://www.landschaftspark.de>]

Chương trình Emscher Park bao gồm bảy chủ đề (Liu& Zou& Li, 2007):

1. Khung xanh- Công viên cảnh quan Emscher. Chủ đề này kết nối bảo vệ và tái tạo mảng xanh trong phạm vi 320 km² thành cấu trúc không gian xanh dạng chuỗi, xây dựng một hệ thống công viên khu vực tích hợp. Công viên Cảnh quan Bắc Duisburg (hình 3-2) bên trong dự án chủ đề này.

2. Tái tạo hệ thống sông Emscher.
3. Làm việc trong Công viên.
4. Chuỗi trung tâm công nghệ.
5. Di tích công nghiệp.
6. Xây dựng nhà ở và phát triển đô thị
7. Các sáng kiến xã hội, việc làm và đào tạo.

Singapore

Thực hiện công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan KGCC khu nội đô hiệu quả theo các quan điểm như sau: :

- Tôn trọng thiên nhiên, hoà hợp với thiên nhiên giúp cân bằng vi khí hậu do tăng diện tích cây xanh, tối thiểu đạt 50% diện tích lãnh thổ và tạo bản sắc đô thị thông qua sự phong phú về loại hình cây xanh;
- Đa dạng loại hình nhà ở, cao tầng, thấp tầng nhưng đều phải đạt tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng trong đó ưu tiên diện tích các KGCC ngay tại khu ở;
- Tối ưu hoá KGCC và văn minh công cộng qua các công tác tuyên truyền tới cộng đồng. Tổ chức kết hợp các hoạt động thương mại, giải trí tại các KGCC để cao giữ gìn vệ sinh môi trường qua các chế tài thưởng phạt, kiến tạo thêm nhiều KGCC;
- Xây dựng hệ thống giao thông hiện đại, thông minh. Hạn chế xe đi vào trung tâm bằng cách thu phí, giúp giảm mật độ giao thông cơ giới, diện tích cho phương tiện cơ giới, dành không gian cho các KGCC.

Kinh nghiệm cho Việt Nam

- Có một hệ thống quản trị vững mạnh và có sự tham gia rộng rãi của nhiều bên và ở nhiều cấp độ để ra định hướng, quyết sách và thực hiện chính sách một cách đúng đắn và hiệu quả, đáp ứng được cả nhu cầu bảo tồn và phát triển để hướng tới tương lai phát triển bền vững hơn cho các thành phố.
- Thực hiện chiến lược Hợp tác Công – Tư (PPP) trong bảo tồn và phát triển dưới động lực của thị trường, với những cơ chế chính sách linh hoạt mềm dẻo để thuyết phục lôi kéo được thành phần doanh nghiệp tư nhân tham gia vào công tác bảo tồn theo hướng win-win, từ đó đảm bảo được tính bền vững về kinh tế tài chính bên cạnh bền vững văn hóa và xã hội.
- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quá trình quy hoạch và QLĐT nói chung, trong công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan KGCC nói riêng.

III. CÁC NGUYÊN TẮC CHÍNH TRONG KIẾN TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VĂN MINH, VĂN HÓA, HIỆN ĐẠI, GIÀU BẢN SẮC

3.1. ĐỦ KHÔNG GIAN CHO ĐƯỜNG PHỐ VÀ MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG PHỐ HIỆU QUẢ.

Mạng lưới đường hiệu quả

Đảm bảo đủ mặt đường mạng cũng thu hút người đi bộ và người đi xe đạp, diện tích đất cần thiết cho đường giao thông, và không gian công cộng mở phải được xác định. Là một tài liệu tham khảo sơ bộ được khuyến khích rằng ít nhất 30 phần trăm đất đai được giao cho đường và bãi đậu xe và dành riêng cho phi cơ giới đường chuyển tiếp, và ít nhất 15-20 phần trăm là phân bổ cho không gian công cộng mở với mật độ cao khu đô thị hỗn hợp..

Phân cấp đường

Mạng lưới đường nên hỗ trợ nhiều lựa chọn về các tuyến dựa trên phân cấp người dùng ưu tiên giao thông phi cơ giới và người đi bộ.

Mật độ đường phố

Để đảm bảo sự cân bằng giữa đường phố và các sử dụng đất, mạng lưới đường phố nên bao gồm ít nhất 18 km chiều dài đường phố trên mỗi ô vuông km. Các chỉ số được đưa ra như một tài liệu tham khảo và quản lý thành phố và các nhà quy hoạch đô thị có thể “điều chỉnh” mẫu thiết kế của mạng lưới đường phố, sử dụng mức mật độ đường phố được đánh giá tại địa phương.

Mạng lưới đường thối

Một mạng lưới đường phố hiệu quả và dễ thấm cung cấp chuyển động thuận tiện nên lý tưởng được liên kết với các rào cản vật lý tối thiểu để cung cấp sự liên tục của chuyển động cho người đi bộ. Một mạng lưới đường phố hiệu quả và dễ thấm có thể là được đo bằng mật độ của các giao lộ đường. Một chỉ báo tham chiếu của 80-100 giao lộ đường phố trên mỗi km² có thể được lấy làm giá trị sơ bộ điểm chuẩn để đánh giá mạng lưới đường phố.

Đường đi bộ và Kết nối xe đạp

Mạng lưới đường mòn và xe đạp nên tạo thành một mạng không bị cản trở và kết nối với tổng thể hệ thống giao thông huyết mạch để tránh lấy ô tô làm trung tâm đường phố, và đảm bảo khả năng đi bộ và đạp xe quãng đường dài hơn. Có tính liên kết cao mạng đường dẫn cung cấp một sự lựa chọn đi bộ và các tuyến đường đi xe đạp dẫn đến các điểm đến khác trong thành phố hoặc/và một khu vực. Thực thi các quy trình có thể được sử dụng để hỗ trợ mạng lưới giao thông không có động cơ trong giai đoạn đầu.

Đa phương thức chuyên chở

Người dân nên có nhiều lựa chọn phương tiện di chuyển các chế độ có sẵn và có thể truy cập,

chẳng hạn như đi xe đạp, đi phương tiện công cộng / vận tải điện tử, điều khiển. Vì vậy, mạng lưới đường phố nên cung cấp nhiều cách thức/lựa chọn an toàn, giá cả phải chăng và dễ tiếp cận, chẳng hạn như đường dành cho xe đạp, vỉa hè, đường mòn, phương tiện giao thông công cộng, v.v. các dịch vụ đô thị mà mọi người có thể tiếp cận, để cung cấp khả năng kết nối 'dặm cuối'.

Giao thông công cộng thuận tiện

Cư dân nên có quyền truy cập dễ dàng và một tối đa 500m đi bộ đến giao thông công cộng xem xét lưu vực khu vực dành cho các hình thức vận tải khác nhau. Công cộng điểm dừng vận chuyển nên được thiết kế theo nhu cầu theo ngữ cảnh (cung cấp bóng râm, chỗ ngồi, vv) và tuân thủ các tiêu chuẩn chung thiết kế.

3.2. MẬT ĐỘ CAO

Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, mật độ cao là sự lựa chọn thông minh và là cốt lõi của quy hoạch đô thị bền vững. Mật độ ít nhất 15.000 người trên mỗi km²; nghĩa là 150 người/ha.

Nguyên tắc này giải quyết vấn đề gia tăng dân số và là phản ứng trực tiếp đối với sự bùng nổ dân số toàn cầu và quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Để ngăn chặn sự mở rộng đô thị và thúc đẩy mở rộng đô thị bền vững, cần phải đạt được mật độ cao, đây là nền tảng của một khu phố bền vững.

Phù hợp mật độ cao

Để tạo điều kiện cho sự sống động của môi trường xây dựng và cộng đồng, một mức độ đô thị nhất định mật độ nên được hỗ trợ. Dân số cao hơn mật độ tương đương với tần suất tương tác cao hơn cần được hỗ trợ bởi chất lượng tốt thiết kế thúc đẩy sự thoải mái và an toàn môi trường nâng cao cơ hội cho tự thể hiện và giao tiếp. Dung tích xây dựng và gắn kết với cộng đồng có thể cung cấp hữu ích để thảo luận về cách một số những lợi ích định tính mà sự mở rộng được coi là ưu đãi có thể được đưa vào thiết kế của khu phố nhỏ gọn.

Mật độ hiệu quả

Thực hiện phù hợp, tăng mật độ là một công cụ mạnh mẽ để đạt được một thành phố kiên cường bằng cách tạo điều kiện sử dụng hiệu quả đất đô thị, hình thức và hệ thống đô thị, hạn chế sự phát triển đô thị và, do đó, thúc đẩy việc bảo tồn tài sản môi trường, khu vực nông thôn và đất canh tác, các khu di sản, v.v. Việc tăng cường mật độ nên được áp dụng trong khu vực xây dựng hiện tại để kết nối với các mạng cơ sở hạ tầng hiện có, dọc theo các hành lang giao thông công cộng chính và/hoặc trong các nút chính và phụ được xác định xem xét quy mô rộng hơn.

3.3. SỬ DỤNG ĐẤT HỖN HỢP

Đất hỗn hợp là một loại đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau nhưng mục đích chung nhất là nhằm phục vụ cho đời sống và nhu cầu của con người. Đất hỗn hợp¹⁴ thường được phân thành nhiều loại, trong số đó có đất dùng trong việc sinh hoạt kết hợp với sản xuất,

đất xây dựng đồng thời là đất kinh doanh dịch vụ,...

Đất hỗn hợp đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức, định hướng nên các mẫu chốt quy tụ dân cư, không gian đô thị, để từ đó tạo nên môi trường sinh sống và phát triển toàn diện cho người dân, mang lại giá trị và lợi thế cho quốc gia, đồng thời đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi phát triển kinh tế của mỗi vùng.

Tính tương thích của việc sử dụng

Phát triển sử dụng hỗn hợp phải đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau khả năng tương thích của việc sử dụng (theo cách mà họ có lợi cùng nhau và các khu vực xung quanh) và phân phối thông minh để duy trì sự thoải mái môi trường cho cư dân. Vấn đề nhạy cảm, tiếng ồn và mức độ ô nhiễm nên được xem xét cũng như một hệ thống các điểm truy cập được thiết kế để khu phố để duy trì sự riêng tư và an toàn nhu cầu. Bộ đệm không gian có thể được sử dụng để giảm thiểu xung đột sử dụng trong khu vực lân cận (cây xanh, sân trong, v.v.)

Phân vùng theo chiều dọc

Để đảm bảo môi trường sử dụng hỗn hợp và ngăn chặn túi đơn chức năng của phát triển đô thị, phân vùng theo chiều dọc nên được áp dụng cho khối và thiết kế tòa nhà. Tầng dưới của tòa nhà nên được dành riêng cho mục đích thương mại hoặc dịch vụ công cộng (thư viện, cửa hàng, v.v.), và tách thích hợp các mục đích sử dụng không tương thích nên được xem xét. Phân vùng theo chiều dọc có thể xem xét mái nhà xanh để giải trí và mục đích nông nghiệp (nếu có)

Đa dạng lô đất

Sự đa dạng của các lô đất thúc đẩy sự đa dạng hình thức, cách sử dụng và quyền sở hữu, cho phép tạo ra của các loại tòa nhà khác nhau. Bưu kiện nhỏ gọn và phân khu cốt truyện góp phần vào các yếu tố của thành phố bao gồm - tạo điều kiện cho các cấp đất lớn hơn sử dụng kết hợp, tạo ra một môi trường quy mô con người cho phép tương tác xã hội, cộng đồng.

Sử dụng đất hiệu quả

Các chính sách và quyết định quy hoạch cần thúc đẩy việc sử dụng đất hiệu quả để đáp ứng nhu cầu về nhà ở và các mục đích sử dụng khác, đồng thời bảo vệ và cải thiện môi trường cũng như đảm bảo các điều kiện sống an toàn và lành mạnh. Chính sách chiến lược nên đặt ra một chiến lược rõ ràng để đáp ứng các nhu cầu được đánh giá khách quan, theo cách tận dụng càng nhiều càng tốt diện tích đất đã được phát triển trước đây.

Coi trọng đáng kể giá trị của việc sử dụng đất ruộng phù hợp trong các khu định cư để làm nhà ở và các nhu cầu đã xác định khác, đồng thời hỗ trợ các cơ hội thích hợp để khắc phục tình trạng đất đai bị hư hỏng, xuống cấp, vô chủ, bị ô nhiễm hoặc đất đai không ổn định

[Theo UN Habitat (2023), My neighbourhood/ Hàng xóm của tôi]

3.4. HOÀ HỢP XÃ HỘI

Hoà hợp xã hội và sử dụng đất hỗn hợp phụ thuộc lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Sử dụng đất

hỗn hợp và hướng dẫn chính sách phù hợp dẫn đến sự pha trộn xã hội. Trong một khu dân cư sử dụng đất hỗn hợp, cơ hội việc làm được tạo ra cho cư dân từ các nguồn gốc khác nhau và với các mức thu nhập khác nhau. Mọi người sống và làm việc trong cùng một khu phố và tạo thành một mạng lưới xã hội đa dạng.

3.5. TĂNG CƯỜNG BẢN SẮC ĐỊA PHƯƠNG

- Cùng cố bản sắc địa phương
- Kết hợp lịch sử
- Kết nối với thiên nhiên môi trường
- Thúc đẩy hệ thực vật địa phương
- Sự đa dạng sinh học

3.6. HẠN CHẾ CHUYÊN MÔN HÓA SỬ DỤNG ĐẤT

Để hạn chế các khối chức năng đơn lẻ hoặc các khu vực lân cận; các khối chức năng đơn lẻ nên bao phủ ít hơn 10% của bất kỳ vùng lân cận nào. Bên cạnh đó còn nhằm mục đích điều chỉnh/hạn chế việc sử dụng phân vùng chức năng để thực hiện các chính sách sử dụng đất hỗn hợp. Phân vùng là một công cụ lập kế hoạch sử dụng đất được sử dụng bởi chính quyền địa phương và các nhà quy hoạch đô thị ở nhiều quốc gia. Phân vùng có thể dựa trên mục đích sử dụng (quy định các mục đích sử dụng mà đất có thể được sử dụng), hoặc có thể quy định chiều cao tòa nhà, diện tích lô đất và các đặc điểm tương tự hoặc kết hợp cả hai. Đây một công cụ quy hoạch đô thị để đảm bảo thực hiện sử dụng đất hỗn hợp và tăng tính đa dạng kinh tế.

3.7. SỰ ĐA DẠNG CỦA KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG MỞ

Phải đảm bảo rằng các không gian công cộng mở được phân phối theo cách để phục vụ nhiều người hơn, là một hệ thống liên tục.

Không gian công cộng mở có thể tiếp cận

Một không gian công cộng (công viên, quảng trường, vườn cộng đồng, v.v.) nên dễ dàng tiếp cận bằng cách đi bộ trong khu phố, đi xe đạp hoặc sử dụng công cộng giao thông vận tải, đặc biệt là của người già và người dân có nhu cầu đặc biệt (xem phần về đường phố). Người đi bộ sẽ có thể tiếp cận từ chứa một không gian công cộng mở hoặc cơ sở trong một khoảng cách năm phút đi bộ (tương đương khoảng cách 400 mét). Điều đó ngụ ý phổ quát khả năng tiếp cận và sự hiện diện của các cơ sở bao gồm cho người đi bộ, người đi xe đạp, phương tiện cá nhân, công cộng người sử dụng phương tiện giao thông.

[Theo UN Habitat (2023), My neighbourhood/ Hàng xóm của tôi]

3.8. TÁI TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ TRONG KHU DÂN CƯ

- Đa dạng của lựa chọn nhà ở

- Khả năng chi phí
- Kích thích các kinh tế khu vực
- Kết Hợp Quyền Sở Hữu

3.9. CASE STUDY 2: THẢO LUẬN BẢO TỒN DI SẢN VÀ CẢI THIỆN KHÔNG GIAN CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ

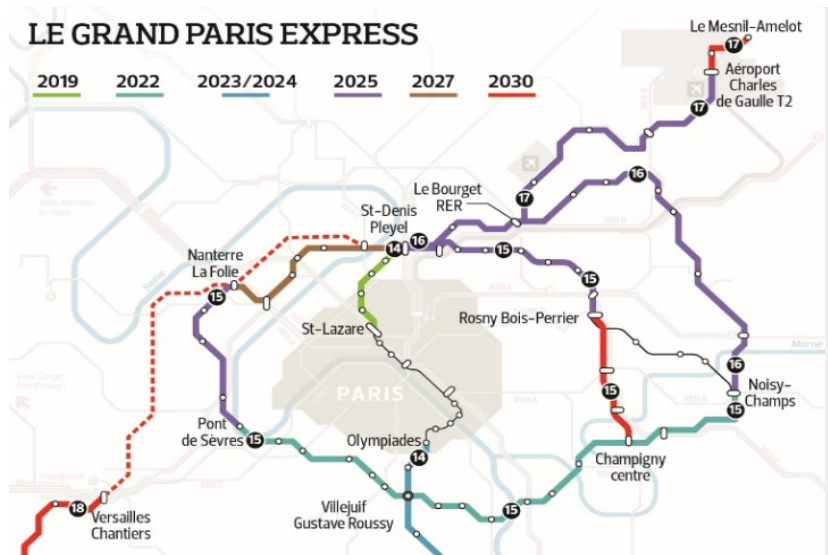
Paris

Paris, nơi hầu hết là các khu di tích lịch sử, có quá nhiều bãi đỗ xe dưới lòng đường của cư dân đã được cấp phép nên thị trường Paris vào thời điểm đó – B. DELANOË, một nhà bảo vệ môi trường, đã quyết định đưa vào sử dụng 2000 xe ô tô điện Autolib’ – với chi phí tới hơn 5 triệu JPY/chiếc, làm xe công cộng và xe công cộng cho thuê, nhằm giảm việc sử dụng các bãi đỗ xe trên đường. Lý do lớn nhất của quyết định này là mỗi chiếc Autolib’ được sử dụng thay cho ô tô cá nhân – phương tiện giao thông mang tính ích kỷ – sẽ giúp tiết kiệm tới 70m2 không gian đô thị – tương đương với diện tích đỗ xe của 5 chiếc khác – để sử dụng cho những hoạt động đô thị khác. Đó là một cơ hội tốt để mở rộng không gian công cộng, và dù chi phí không hề rẻ, thì vẫn không đáng gì khi so với chi phí mặt bằng đô thị ở Paris.

Nổi bật là : Dự án Grand Paris (Grand Paris)

Paris có rất nhiều chính sách về quy hoạch đại đô thị đáng tham khảo đối với Hà Nội. Ngoài các mô hình như hình thành khu trung tâm mới La Defense, phát triển TP mới, quy định về cảnh quan đô thị... đã giới thiệu. Trong 20 năm trở lại đây, họ còn thực hiện nhiều chính sách khác như hệ thống làn đường riêng cho xe bus, tàu điện, xe đạp công cộng Velib’ với 20.000 chiếc, và cái nào cũng thành công.

Và, đi xa hơn thế, hiện nay họ đang thực hiện một dự án có quy mô lớn không thể tưởng tượng được là Grand Paris, trong một thời gian rất ngắn. Năm 2010 họ hoàn thiện hành lang pháp lý và đặt mục tiêu hoàn thành trong thời gian rất ngắn là 20 năm (Hiện nay đã quyết định kéo dài thêm 10 năm). Trọng tâm của dự án này là mạng lưới tàu điện ngầm trên một phạm vi rộng lớn – Grand Paris Express. Đây là một mạng lưới tàu điện ngầm khổng lồ, đúng như tên gọi của nó, với tổng chiều dài 200km mà 90% trong đó là các công trình ngầm, kết nối khu ngoại vi bao quanh khu trung tâm của TP Paris hiện tại. Họ cũng đồng thời tiến hành cải tạo các khu vực xung quanh 68 nhà ga hiện có, nên khắp nơi đều là công trường.



Mạng lưới tàu điện ngầm phạm vi rộng Grand Paris Express

Để thúc đẩy dự án này, họ đã thành lập Công ty công trình công cộng Grand Paris – đóng vai trò chủ dự án xây dựng hệ thống tàu điện ngầm và cải tạo khu vực xung quanh, có vai trò đầu tàu trong thúc đẩy dự án và về thực chất, là cơ quan đứng trên cả bộ máy hành chính tại địa phương.

Ở khu vực lịch sử được xếp hạng di sản văn hóa thế giới Marais của Paris, thay vì can thiệp vào các tuyến phố lớn và các tòa nhà mặt đường, họ đã tạo ra các quảng trường nhỏ với đường đi dạo ở mặt sau những con phố lớn, chủ yếu nhờ cải tạo và kết nối những khoảng sân nhỏ, những ngõ hẻm trong khu dân cư, mang lại một mạng lưới đường tản bộ cực kỳ thú vị và hấp dẫn ẩn sau những tuyến phố lớn. Không gian ẩn phía sau này là nơi kết nối các quảng trường nhỏ vừa đủ để họp chợ, tổ chức các sự kiện văn hóa nhỏ... kết nối với các ngõ hẻm, hình thành các cửa hiệu nhỏ, quán cà phê, nhà hàng, lọt xác trở thành những khu đô thị nhộn nhịp, đầy sức sống mới. Có thể nói, họ đã thực hiện được một giải pháp hoàn hảo khi vừa lưu giữ được không gian đô thị lịch sử, vừa thu hút được du khách, vừa cải tạo môi trường sống cho cư dân, mang lại những giá trị và không gian văn hóa mới.

Lyon: Chính sách cải tạo không gian công cộng

Trước khi áp dụng Chính sách cải tạo không gian công cộng vào năm 1989, toàn bộ không gian công cộng, không gian đô thị mở bị biến thành các bãi đỗ xe ở khắp mọi nơi, và Lyon trở thành một thành phố lạnh lùng, thiếu sức sống. Từ một đô thị mà bất kỳ không gian nào còn trống, dù là đường phố, quảng trường, công viên, hay thậm chí cả các khu đất trống giữa các tòa nhà, có các đơn vị chủ quản khác nhau, cũng đều bị biến thành bãi đỗ xe, họ đã chuyển đổi thành không gian cho người đi bộ, cho xe đạp và giao thông công cộng, và nhờ thế, thành phố đẹp lên từng ngày, cư dân đông vui hơn và đô thị sầm uất hơn.

Chính sách cải tạo không gian công cộng ” bắt đầu vào năm 1989, khởi đầu từ báo cáo của một nhà xã hội học nêu lên rằng “Không gian công cộng trong đô thị là nơi quan trọng để có những trải nghiệm phong phú trong quá trình trẻ em trở thành người lớn”, và việc chuyển đổi mục đích sử dụng không gian đô thị này được triển khai theo định hướng “Tái phân bổ quyền

sử dụng không gian đô thị”. Với tư duy phải chuyển đổi không gian đô thị mở đã bị ô tô xâm chiếm thành không gian dành cho người đi bộ và giao thông công cộng, họ đã đẩy mạnh việc xây dựng quảng trường, công viên và những đường đi bộ phong phú khác.

Lyon cũng đã thành lập một tổ chức quản lý tập trung các không gian đô thị mở mà trước đó thuộc các đơn vị quản lý khác nhau trong chính quyền, như đường phố, quảng trường, bờ sông, các khu đất xây dựng... để đẩy mạnh hoạt động cải tạo. Trong 6 năm đầu tiên, Lyon như lột xác, với hơn 350 không gian đô thị được tái sinh ngay trong lòng thành phố.



***Những vị trí thực hiện Chính sách cải tạo không gian công cộng ở Lyon
(phần màu xanh lá cây)***

Kinh nghiệm cho Việt Nam

- Chính phủ đưa ra những định hướng chính phát triển kiến trúc, cảnh quan KGCC, tổ chức những hoạt động hỗ trợ việc nghiên cứu vĩ mô như khảo sát cấp quốc gia
- Chính quyền các thành phố, các quận phát triển các chính sách từ thực tế địa phương mình gắn chặt với nhu cầu và khả năng thực tiễn.
- Phân công, phân quyền rõ ràng cho từng cấp, từng chủ thể tham gia

- Xây dựng cơ chế để giám sát, kiểm tra
- Triển khai lập các Quy chế, quy định quản lý kèm theo các đồ án quy hoạch trong đó đưa nội dung quản lý kiến trúc, cảnh quan KGCC là một nội dung quan trọng để thúc đẩy và giám sát việc thực thi nhanh chóng và đảm bảo đúng quy hoạch

IV. CÔNG CỤ TRONG KIẾN TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VĂN MINH, VĂN HÓA, HIỆN ĐẠI, GIÀU BẢN SẮC

4.1. CÁC YÊU CẦU TRONG QUẢN LÝ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CÁC TUYẾN PHỐ VĂN MINH, VĂN HÓA, HIỆN ĐẠI, GIÀU BẢN SẮC

Đô thị có sự hòa nhập và hấp dẫn về mặt xã hội

Đô thị cần lấy con người làm trung tâm, có đạo đức và công bằng. Loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt, phân biệt đối xử và loại trừ về thể chất và không gian. Coi trọng cuộc sống và tiềm năng của tất cả cư dân, đặc biệt là người nghèo và các nhóm thiệt thòi khác. Cần bao hàm sự đa dạng về văn hóa, bao gồm sự khác biệt về tín ngưỡng và ngôn ngữ, đồng thời khuyến khích sự hòa nhập xã hội của người di cư và người tị nạn. Khuyến khích tất cả các phân khúc và nhóm tuổi của dân số tham gia vào đời sống xã hội và văn hóa.

Đô thị cần thúc đẩy “quyền được vào thành phố cho tất cả mọi người”. Điều này đòi hỏi quyền có một cuộc sống đàng hoàng và an toàn với khả năng tiếp cận nhà ở, hàng hóa và dịch vụ công cộng phù hợp và có tiếng nói trong việc ra quyết định. Thúc đẩy văn hóa đoàn kết thông qua các quy trình như tham vấn cộng đồng, ký kết hợp đồng với cộng đồng và lập ngân sách có sự tham gia.

Đô thị cần có giá cả phải chăng, dễ tiếp cận và công bằng

Trong đô thị các nguồn lực được phân phối công bằng và cơ hội luôn sẵn có cho tất cả mọi người. Đất đai, cơ sở hạ tầng, nhà ở, giao thông và các dịch vụ cơ bản được quy hoạch và vận hành với sự quan tâm đặc biệt đến việc cải thiện khả năng tiếp cận của phụ nữ và các nhóm có thu nhập thấp và thiệt thòi. Các dịch vụ công được thiết kế với sự tham gia của cộng đồng và bao gồm một cách có ý thức các nhu cầu, sự an toàn và nhân phẩm của phụ nữ, người già, trẻ em và thanh niên, người khuyết tật và các nhóm yếu thế.

Đô thị có nền kinh tế sôi động và toàn diện

Đô thị khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương từ doanh nghiệp nhỏ nhất đến các tập đoàn lớn nhất. Cần hợp lý hóa việc cấp phép và các dịch vụ hành chính khác.

Quy hoạch đô thị mới cần thừa nhận rằng khu vực phi chính thức của nền kinh tế cung cấp một nguồn sinh kế quan trọng cho người nghèo thành thị và đặc biệt là phụ nữ và tích cực loại bỏ các rào cản và trở ngại ngăn cản họ phát huy hết tiềm năng của mình.

Đô thị cần được quản lý tập thể và quản lý một cách dân chủ

Đô thị cần có sự tham gia, thúc đẩy quan hệ đối tác hiệu quả và sự tham gia tích cực của tất cả các thành viên trong xã hội và các đối tác (công cộng, tư nhân và xã hội dân sự). Cần bảo vệ nền dân chủ địa phương bằng cách khuyến khích sự tham gia, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Thúc đẩy sự phát triển lãnh thổ gắn kết

Đô thị là chất xúc tác cho việc lập kế hoạch bền vững trên khắp các khu vực pháp lý trong khu vực mà nó chiếm giữ. Tích cực tìm cách phối hợp và thực hiện các chính sách, đầu tư và thực hiện các hành động nhằm duy trì quyền tự chủ của địa phương trong khi xây dựng và tăng cường hợp tác khu vực. Đặc biệt cần tích cực tìm kiếm sự phối hợp và hợp tác liên ngành và thúc đẩy mối liên kết cùng có lợi và thân thiện với môi trường giữa khu vực nông thôn và thành thị.

Khả năng tái tạo và phục hồi

Đô thị cần được thiết kế để có khả năng phục hồi, liên tục đánh giá rủi ro và xây dựng năng lực của các bên liên quan, cá nhân và cộng đồng địa phương để chuẩn bị, hấp thụ, phục hồi và học hỏi từ những cú sốc cấp tính và căng thẳng mãn tính, cả tự nhiên và nhân tạo. Hoạt động để tránh hoặc ngăn chặn những sự kiện như vậy nếu khả thi, bảo vệ các nhóm dân số dễ bị tổn thương trước, trong và sau khi thực tế xảy ra. Cần nhận ra rằng đô thị chỉ có khả năng phục hồi nếu đảm bảo sự tồn tại lâu dài, bền vững và chất lượng cuộc sống của nhóm cư dân dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất.

Có chung bản sắc và ý nghĩa về địa điểm

Đô thị cần có một bản sắc đa dạng được tạo thành từ các khu dân cư và dân tộc đa dạng, những người có ý thức tìm cách chia sẻ ý thức chung về địa điểm. Công nhận văn hóa là chìa khóa cho phẩm giá con người và đánh giá cao sự đa dạng như một nguồn sáng tạo, phát triển và học tập trong một nền kinh tế tri thức.

Cần được quy hoạch tốt, có thể đi bộ và thân thiện với các phương tiện công cộng

Cần áp dụng quy hoạch tích hợp để đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai về đất đai, nhà ở, cơ sở hạ tầng và dịch vụ. Thông qua việc lập kế hoạch có sự tham gia bằng cách tham gia và trao quyền cho tất cả các bên liên quan trong việc phát triển các kế hoạch và quy tắc xây dựng của mình. Việc sử dụng đất kết quả tích hợp hình thức, chức năng và kết nối. Các mạng lưới trao đổi kinh tế và xã hội đa phương thức tạo thành một khuôn khổ không gian công cộng được kết nối với nhau.

An toàn, lành mạnh và thúc đẩy hạnh phúc

Đô thị cần không có bạo lực, xung đột và tội phạm. Tất cả mọi người sử dụng đường phố, công viên và phương tiện công cộng mà không sợ hãi. Đảm bảo sự an toàn của phụ nữ và trẻ em gái và người già ở cả nơi công cộng và nơi làm việc. Cần thu hút nam giới và phụ nữ, trẻ em gái và

trẻ em trai tham gia vào việc lập kế hoạch, thiết kế, lập ngân sách và thực hiện các biện pháp can thiệp an ninh.

Nuôi dưỡng một nền văn hóa hòa bình, bằng cách làm việc cùng với tất cả các nhóm liên quan trong việc tổ chức các sự kiện và đối thoại liên thể hệ, liên văn hóa để thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung và giao tiếp.

Học hỏi và đổi mới

Tạo ra các cơ hội học tập và khám phá hợp tác để xem xét lại và xác định lại các mô hình đô thị và các hợp đồng xã hội cho tương lai bền vững.

4.2. QUY HOẠCH TỔNG THỂ

Quy hoạch cảnh quan tổng thể

Quy hoạch cảnh quan tổng thể của các đô thị phải được tiến hành đồng thời với quy hoạch xây dựng phát triển đô thị : dựa trên nguyên tắc tôn trọng và giữ gìn cảnh quan tự nhiên, tránh san ủi tạo địa hình bằng phẳng, tránh làm đường lớn, quảng trường rộng, “đồng bằng hóa” cảnh quan dẫn đến làm mất bản sắc của các đô thị miền núi. Các khu vực phát triển kề cận đô thị cần được kết nối với các khu đô thị hiện hữu cả về hạ tầng và cảnh quan. Những khu vực phát triển mới không kề cận với đô thị cần được tổ chức thành các khu đô thị hoàn chỉnh có bản sắc nhằm bảo vệ văn hóa bản địa.

Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên - Đô thị phù hợp với quản lý nước tổng hợp

Tài nguyên thiên nhiên có 4 loại chính: đất (bao gồm cả khoáng sản), nước, năng lượng và sinh thái. Trong đó, nước là yếu tố có tính xuyên chuỗi và hệ thống nhất, có ảnh hưởng cơ bản đến các tài nguyên khác. Vì vậy, nếu quản lý tổng hợp tốt tài nguyên nước thì các tài nguyên khác sẽ được quản lý hiệu quả. Cần nhìn nhận nước là một hệ thống liên hoàn, ít nhất là có quan hệ mật thiết trong phạm vi từng lưu vực, và do đó mọi hoạt động trong một lưu vực sẽ phải được kết nối, thống nhất với nhau. Hệ thống đô thị là một trong những thành phần quan trọng trong hệ thống quản lý nước tổng hợp, cả từ góc độ sử dụng nước lẫn gây tác động, ô nhiễm tới nước và bị ảnh hưởng từ thiên tai do nước nên cần được tích hợp chặt chẽ và quy trình quản lý nước tổng hợp. Hệ thống đô thị sẽ được kiểm soát về môi trường theo 8 vùng lưu vực sông chính: lưu vực sông Kỳ Cùng; lưu vực sông Hồng - Thái bình; lưu vực sông Mã - Chu; lưu vực sông Cả; lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn; lưu vực sông Ba; lưu vực sông Đồng Nai; lưu vực sông Mêkong.

Hệ thống đô thị thích ứng BĐKH

Định hướng hệ thống đô thị thích ứng BĐKH: (i) Hạn chế phát triển đô thị quy mô lớn ở tất cả những khu vực có nguy cơ tổn thương cao; (ii) Phát triển những cấu trúc đô thị phù hợp nhất, thích ứng nhất với điều kiện tự nhiên; (iii) Tối ưu hóa vấn đề sử dụng năng lượng; (iv) Đặc biệt chú trọng các nhóm xã hội có nguy cơ tổn thương cao để tăng sức chống chịu.

Phát triển đô thị đậm bản sắc

- Bảo vệ bản sắc văn hoá các sắc tộc trong quy hoạch - thiết kế đô thị:
- Phát triển bản sắc văn hoá tín ngưỡng, tâm linh trong đô thị: Việt Nam về cơ bản không có tôn giáo lớn, mà chủ yếu là tín ngưỡng dân gian. Đây là yếu tố quan trọng trong đời sống đô thị, không chỉ mang giá trị du lịch tâm linh, mà có giá trị chung đối với toàn bộ đời sống văn hoá đô thị. Trong quy hoạch đô thị, lưu ý 3 vấn đề: (i) các công trình tín ngưỡng điểm nhấn, bao gồm hệ thống nhà thờ, đình, đền, chùa, miếu...; (ii) hệ thống âm trạch, mồ mả: cần nhận định “nghĩa trang” không phải là hạng mục kỹ thuật thuần túy cùng nhóm xử lý rác thải, mà đây là khu vực thánh địa, linh địa, có ý nghĩa quan trọng về đời sống văn hoá, cần phải được quan tâm đúng mức trong quy hoạch, xếp cùng lĩnh vực với công trình tâm linh; (iii) hệ thống nhà thờ dòng tộc, nhằm giữ vững mối liên kết dòng tộc là kết nối quan trọng nhất giữa con người với một vùng đất. Giữ vững được kết nối này sẽ góp phần đảm bảo những đầu tư lâu dài của người dân vào quê hương, quê cha đất tổ.
- Phát triển bản sắc văn hoá dựa trên lịch sử định cư.

4.3. QUY TRÌNH THỰC HIỆN KIẾN TẠO KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ VĂN MINH, HIỆN ĐẠI, GIÀU BẢN SẮC

Lựa chọn khu vực địa điểm

Địa điểm chính là một thực thể năng động và đa diện bao gồm một vị trí thực tế và lợi ích ý nghĩa thông qua chủ quan nhận thức, kinh nghiệm và ý nghĩa quy cho nó bởi các cá nhân và các cộng đồng. Nó không chỉ được xác định bởi ranh giới không gian mà đúng hơn là bởi xã hội của nó và các tương tác văn hóa, ký ức, và cảm xúc liên quan.

Các thành phần của địa điểm, bao gồm cả nó đặc điểm vật lý, hoạt động của con người, và năng động xã hội, tương tác và giao nhau để tạo ra một phức hợp và không ngừng phát triển tẩm thấm ý nghĩa và giá trị.

Thu hút các bên liên quan

Thu hút sự tham gia đại diện toàn diện liên ngành, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, điều đó sẽ có khả năng hưởng lợi từ việc thực hiện can thiệp Tạo địa điểm trong không gian công cộng đã chọn.

Động não và đưa ra ý tưởng thiết kế

- **Đánh giá địa điểm**

Trong khi xem xét dữ liệu có sẵn của địa điểm được xác định, cần xem xét nghiêm túc các nhu cầu, nguyện vọng, thách thức chính và cơ hội của các bên liên quan.

- **Tầm nhìn địa điểm cộng tác**

Thiết lập các mục tiêu và mục đích cho hoạt động Kiến tạo địa điểm đồng thời xây dựng tầm

nhìn chung về địa điểm tương lai.

- ***Đồng ý tưởng thiết kế***

Biên soạn danh sách các ví dụ và giải pháp tiềm năng để hiện thực hóa tầm nhìn chung và đáp ứng nhu cầu của cộng đồng.

Ưu tiên các hoạt động và tính năng chính của sáng kiến Tạo địa điểm dựa trên ngân sách có sẵn.

Lập kế hoạch

Dựa trên kết quả của các hoạt động đồng thiết kế và các ưu tiên được cộng đồng xác định, hoàn thiện một kế hoạch hành động chi tiết, bao gồm lập kế hoạch và chuẩn bị cho các hoạt động can thiệp, đồng thời lưu ý Cách tiếp cận “nhẹ hơn, nhanh hơn, rẻ hơn”.

Kế hoạch được định hình bởi sự tham gia sớm, tương xứng và hiệu quả giữa các nhà hoạch định kế hoạch và cộng đồng, các tổ chức địa phương, doanh nghiệp, nhà cung cấp cơ sở hạ tầng và nhà điều hành cũng như các chuyên gia tư vấn theo luật định

Lập kế hoạch tạo lập bản sắc đô thị dựa trên việc khai thác và tổ chức các giá trị đặc trưng của cảnh quan tự nhiên kết hợp với yếu tố kiến trúc và hoạt động văn hóa bản địa.

Thực hiện

Đảm bảo mọi người đều biết vai trò của họ trước đây, trong và sau khi Đặt chỗ sự can thiệp.

Phối hợp và giám sát việc thực hiện kế hoạch làm việc, bối cảnh không gian và con người của nó và Huy động nguồn lực. Chấp nhận thử nghiệm. Điều chỉnh lại và thích ứng là một phần nội tại của kiến tạo.

Giám sát và đánh giá

- ***Thu thập và phân tích dữ liệu***

Thu thập dữ liệu trong suốt quá trình Tạo địa điểm xử lý, phân tích dữ liệu và đánh giá kết quả để đánh giá liệu can thiệp có đạt được các mục tiêu của nó và xác định mọi hậu quả có thể xảy ra.

- ***Phản ánh, phát triển, lặp lại***

Xác định các bài học kinh nghiệm và các lĩnh vực cần cải thiện cho các sáng kiến trong tương lai. Phản ánh về những điểm mạnh, điểm yếu, thách thức và thành công của Quá trình định vị và can thiệp. Như mọi người tham gia vào các can thiệp kiến tạo lặp đi lặp lại, cả hai cá nhân và cộng đồng ngày càng trở nên trao quyền.

4.4. CASE STUDY 3: THẢO LUẬN BẢO TỒN, PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN BẢN SẮC ĐA DẠNG CỦA CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Hà Nội: Khu phố cổ

Hà Nội là một đô thị điển hình về quá trình diễn biến trong cấu trúc đô thị. Nơi đây tập trung gần như đầy đủ các yếu tố trong cấu trúc đô thị truyền thống Việt Nam, từ cảnh quan thiên nhiên (cây xanh, sông, hồ...), từ các kiến trúc cổ truyền thống, từ các điểm dân cư “thị” của thời phong kiến, đến các di sản đô thị dân gian, cận hiện đại chịu ảnh hưởng của văn hóa Châu Âu, cùng các truyền thuyết, huyền thoại, nếp sống văn hóa truyền thống song luôn phát triển với đặc trưng văn hóa riêng. Lịch sử phát triển với các quy hoạch không gian đều luôn khẳng định trung tâm thành phố là trung tâm lịch sử của Thăng Long – Hà Nội. Các không gian cảnh quan kiến trúc đô thị, các loại hình kiến trúc công trình từ làng cổ, phố cổ, khu phố cũ được gìn giữ với chuyển hóa thích hợp. Tất cả được đan xen hài hòa để tạo thành một tổng thể thích hợp, hòa quyện với cảnh quan, cây xanh, mặt nước.

Khu phố cổ Hà Nội được biết đến với 36 phố phường, mỗi tên phố đều gắn với chữ “Hàng” đặc trưng và một nghề thủ công truyền thống do người dân bốn phương mang về khi di cư lên đất Kinh kỳ. Nghề kim hoàn phố Hàng Bạc do người dân Châu Khê (Hải Dương) và Đồng Xâm (Thái Bình) mang về, nghề gò thiếc phố Hàng Thiếc do người làng Phú Thứ (huyện Hoài Đức, Hà Tây, nay là Hà Nội) đưa về, nghề làm thuốc đông y do người làng Đa Ngưu (Hưng Yên) đưa về... Khu phố cổ là một hệ thống 121 di tích với đầy đủ các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng như đình, đền, chùa, hội quán, nhà thờ Hồi giáo, miếu, am... cùng hơn 200 công trình nhà ở có giá trị đặc biệt. Có thể kể đến những di tích nổi tiếng như: Ngôi nhà cổ 87 Mã Mây, đình Đồng Lạc, đền Bạch Mã, đình Kim Ngân... Cùng với đó, Khu phố cổ Hà Nội chứa đựng các giá trị phi vật thể đa dạng, hấp dẫn, từ nếp sống sinh hoạt của người dân, văn hóa ẩm thực, nghệ thuật dân gian, lễ hội truyền thống... Từ những giá trị đó, Khu phố cổ Hà Nội đã được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia.

Nhằm mục tiêu phát triển khu vực nội đô lịch sử bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; cải thiện cơ bản điều kiện sống của người dân theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc và phát triển bền vững UBND thành phố Hà Nội đã lập quy hoạch. Cụ thể, vị trí các quy hoạch này gồm: khu H1-1A, H1-1B và H1-1C thuộc quận Hoàn Kiếm; Khu H1-2 thuộc quận Ba Đình; khu H1-3 thuộc quận Đống Đa và khu H1-4 thuộc quận Hai Bà Trưng. Phạm vi ranh giới quy hoạch từ Vành đai 2 tới hữu ngạn sông Hồng. Diện tích lập quy hoạch 2.709,75ha, Đặc biệt, đồ án QHPK xác định dân số khu vực này sẽ là 672.000 người, giảm khoảng 215.000 dân trong giai đoạn 2020-2030, (dân số hiện nay là hơn 887.000 người).



Vị trí khu vực quy hoạch và 6 đồ án Quy hoạch phân khu

Các đồ án QHPK đã xác định rõ ràng về tính chất, chức năng của từng khu vực. Cụ thể, khu phố cổ (QHPK H1-1A) là khu vực đô thị cổ có giá trị về lịch sử và văn hóa. Chức năng chủ yếu là thương mại, dịch vụ, du lịch kết hợp với nhà ở và các công trình công cộng phục vụ cho cộng đồng dân cư.

Khu vực Hồ Gươm và phụ cận (QHPK H1-1B) là vùng thắng cảnh nổi tiếng của Hà Nội, có chức năng là trung tâm văn hóa hành chính, thương mại, dịch vụ, du lịch kết hợp với nhà ở, các công trình công cộng phục vụ cư dân và các di tích lịch sử – văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng.

Khu phố cũ (QHPK H1-1C) và một phần các QHPK H1-2, H1-3 và H1-4 là khu vực đô thị cũ với nhiều công trình có giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc. Các chức năng chủ yếu của khu này gồm các di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở, cơ quan, dịch vụ thương mại, tài chính, y tế và chức năng công cộng khác.

Khu vực hạn chế phát triển (phần còn lại các QHPK H1-2, H1-3 và H1-4) là khu vực cải tạo và hạn chế phát triển xây dựng nhà ở cao tầng. Các chức năng chủ yếu ở đây là nhà ở, cơ quan, di tích, dịch vụ thương mại, du lịch và các tiện ích đô thị khác.

- Đất công cộng đô thị và đất hỗn hợp khoảng 284,54ha (đạt chỉ tiêu 4,39m²/người)
- Đất cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao đô thị khoảng 247,14ha (đạt chỉ tiêu 3,82m²/người)
- Đất cây xanh đơn vị ở là khoảng 34,61ha, đạt chỉ tiêu 0,53m²/người, gồm công viên, vườn hoa, sân chơi, không gian hoạt động thể thao, giải trí ngoài trời... phục vụ nhân dân trong đơn vị ở

- Diện tích đường giao thông đô thị từ 400 – 600ha, chiếm diện tích 22,5% đất đô thị và phù hợp với quy chuẩn.
- Cấu trúc không gian nội đô lịch sử được tổ chức theo các tuyến trục và mạng lưới đường vành đai, đường hướng tâm, tạo thành những ô phố với lõi trung tâm khu ở. Không gian đô thị được xác lập chủ yếu là công trình thấp tầng. Công trình cao tầng được bố trí dọc các tuyến đường vành đai, tuyến đường hướng tâm và những khu tái thiết đô thị, nhằm tạo một số điểm nhấn cao tầng trên các tuyến đường phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch – kiến trúc công trình cao tầng đã được ban hành. Tại các khu vực xây dựng công trình cao tầng, sẽ được xem xét ưu tiên giảm mật độ xây dựng để bổ sung tiện ích đô thị như cây xanh, đỗ xe...

Dựa vào các quy hoạch phân khu này, thành phố sẽ xác định các dự án đầu tư xây dựng và cho triển khai lập quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phục vụ kiểm soát phát triển, quản lý, chỉnh trang đô thị, bảo tồn và phát huy giá trị khu vực di sản và trung tâm đô thị. Đó sẽ là cơ sở để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội cho Hà Nội, đồng thời tạo dựng một Thủ đô ngày càng xanh, văn minh, văn hiến và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Nghi-quyet-06-NQ-TW-2022-xay-dung-phat-trien-ben-vung-do-thi-Viet-Nam-2030-2045-502037.aspx>

2. Chính Phủ (2021), *Quyết định số 1246/QĐ-TTg, Phê duyệt định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*.

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyết-dinh-1246-QĐ-TTg-2021-phe-duyet-Dinh-huong-phat-trien-kien-truc-Viet-Nam-481684.aspx>

3. Quốc hội (2019), *Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14*

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Kien-truc-2019-384114.aspx>

4. UN Habitat (2014), *A new strategy of sustainable neighbourhood planning: Five Principles, Urban planning discussion note 3/ Một chiến lược mới về quy hoạch khu phố bền vững: Năm nguyên tắc, thảo luận về quy hoạch đô thị lưu ý 3*

<https://unhabitat.org/sites/default/files/download-manager-files/A%20New%20Strategy%20of%20Sustainable%20Neighbourhood%20Planning%20Five%20principles.pdf>

5. UN Habitat (2015), *Hướng dẫn quốc tế về quy hoạch đô thị và vùng lãnh thổ, Nairobi*